



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SÔNG XANH



Địa chỉ: 15 đường 179, Phường Tăng Nhơn Phú,
TP. Hồ Chí Minh



ĐT: 0988 814 153



E-mail: songxanh468@gmail.com



Website: songxanhvietnam.com

VAN CÔNG UL/FM – LÁ VAN BỌC CAO SU

Mã sản phẩm: FRHG – FRHX – FNCX



1. MÔ TẢ SẢN PHẨM

Van công được thiết kế với kết cấu tiên tiến, giúp thao tác đóng mở nhẹ nhàng. Lá van dạng nệm được bọc cao su, phù hợp với tiêu chuẩn sử dụng cho nước sạch. Van vận hành nhẹ, hạn chế kẹt, chống ăn mòn và có độ bền cao.

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG

Hạng mục	Thông số
Mã sản phẩm	FRHG – FRHX – FNCX
Kích thước	DN50 – DN300
Tiêu chuẩn thiết kế	AWWA C509, C606, C515; FM/UL; ISO 7259
Tiêu chuẩn khoảng cách 2 mặt bích	AWWA C509, C606, C515; FM/UL; ASME B16.10
Kiểu kết nối	Mặt bích – Nối ngầm
Tiêu chuẩn kết nối và áp suất	BS 4504: PN10, PN16, PN20; AWWA C606: 125LB; ASME B16.42: 150LB
Loại sơn phủ	Sơn bột nhựa Epoxy
Tiêu chuẩn sơn	FM1120/1130
Màu sắc	Đỏ
Độ dày lớp phủ	250–300 µm
Nhiệt độ làm việc	-10 ~ 80 °C
Môi trường làm việc	Hệ thống phòng cháy chữa cháy



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SÔNG XANH

Địa chỉ: 15 đường 179, Phường Tăng Nhơn Phú,
TP. Hồ Chí Minh

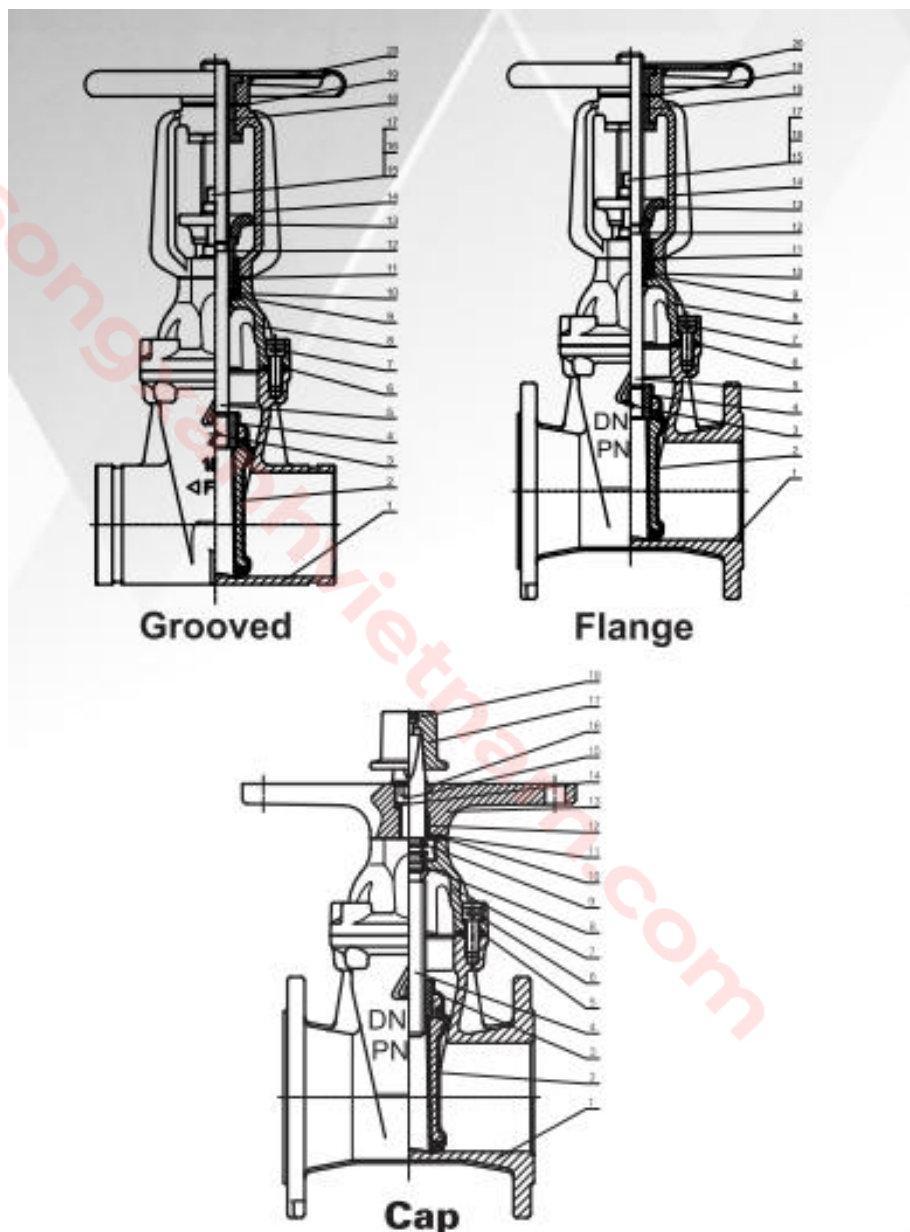
ĐT: 0988 814 153

E-mail: songxanh468@gmail.com

Website: songxanhvietnam.com

3. BẢN VẼ CHI TIẾT VÀ DANH SÁCH VẬT LIỆU

Các cấu hình bao gồm: van cổng OS&Y UL/FM kết nối nối ngàm/mặt bích và van cổng ty chìm (NRS) dạng nắp.





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SÔNG XANH



Địa chỉ: 15 đường 179, Phường Tăng Nhơn Phú,
TP. Hồ Chí Minh



ĐT: 0988 814 153



E-mail: songxanh468@gmail.com



Website: songxanhvietnam.com

3.1. Danh sách chi tiết van cổng UL/FM OS&Y

STT	Tên bộ phận	Vật liệu	Mã vật liệu
1	Thân van	Gang cầu	ASTM A536
2	Đĩa/Lá van	Gang cầu + Cao su	ASTM A536 + EPDM
3	Chốt	Thép không gỉ	AISI 304
4	Đai ốc nêm	Đồng	ASTM C51900
5	Ty van	Thép không gỉ	AISI 410
6	Gioăng nắp van	Cao su	NBR
7	Bu lông	Thép cacbon	Thương mại
8	Nắp van	Gang cầu	ASTM A536
9	Vòng đệm O	Cao su	NBR
10	Vòng đệm O	Cao su	NBR
11	Vòng đệm O	Cao su	NBR
12	Bạc ép	Thép cacbon mạ kẽm	Thép cacbon
13	Gland/Đệm chèn	Gang cầu	ASTM A536
14	Giá đỡ ty (Yoke)	Gang cầu	ASTM A536
15	Bu lông	Thép không gỉ	AISI 410
16	Đai ốc	Thép không gỉ	AISI 304
17	Vòng đệm	Thép không gỉ	AISI 304
18	Đai ốc ty	Đồng	ASTM C83600
19	Vòng đệm	Đồng thau	ASTM C34500
20	Tay quay	Thép cacbon/Gang cầu	ASTM 1045/536

3.2. Danh sách chi tiết van cổng UL/FM NRS dạng nắp

STT	Tên bộ phận	Vật liệu	Mã vật liệu
1	Thân van	Gang cầu	ASTM A536
2	Nêm/Lá van	Gang cầu + Cao su	ASTM A536 + EPDM
3	Đai ốc nêm	Đồng	ASTM C51900
4	Ty van	Thép không gỉ	AISI 410
5	Gioăng nắp van	Cao su	NBR
6	Bu lông	Thép cacbon	Thương mại
7	Nắp van	Gang cầu	ASTM A536
8	Vòng đệm O	Cao su	NBR
9	Vòng bi chặn	Đồng	ASTM C83600
10	Vòng đệm O	Cao su	NBR
11	Vòng đệm O	Cao su	NBR



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SÔNG XANH



Địa chỉ: 15 đường 179, Phường Tăng Nhơn Phú,
TP. Hồ Chí Minh



ĐT: 0988 814 153



E-mail: songxanh468@gmail.com



Website: songxanhvietnam.com

12	Bạc lót	Nylon	PA
13	Mặt bích	Gang cầu	ASTM A536
14	Vòng đệm	Thép cacbon	Thương mại
15	Bu lông	Thép cacbon	Thương mại
16	Vòng gat	Cao su	NBR
17	Nắp	Gang cầu	ASTM A536
18	Bu lông	Thép cacbon	Thương mại

4. FRHG – BẢNG KÍCH THƯỚC (ĐƠN VỊ: mm)

DN	Model/Mã sản phẩm	L	D	D1	A	B	Hc	Ho
50 (2")	FRHG-0050	178	60.3	57.1	15.9	7.9	309	376
80 (3")	FRHG-0080	203	88.9	84.9	15.9	7.9	378	463
100 (4")	FRHG-0100	229	114.3	110.1	15.9	9.5	445	548
150 (6")	FRHG-0150	267	168.3	164	15.9	9.5	608	763
200 (8")	FRHG-0200	292	219.1	214.4	19	11.1	759	964
250 (10")	FRHG-0250	330	273.1	268.3	19	12.7	898	1028
300 (12")	FRHG-0300	356	323.9	318.3	19	12.7	1025	1330

5. FRHX – BẢNG KÍCH THƯỚC (ĐƠN VỊ: mm)

5.1. Kích thước UL/FM – PN10/PN16

DN	Model	L	D	K PN10	K PN16	n-Ød PN10	n-Ød PN16	C	Hc	Ho	R
50 (2")	FRHX-0050	178	165	125		4-Ø19		19	306	362	150
80 (3")	FRHX-0080	203	200	160		8-Ø19		19	386	467	200



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SÔNG XANH



Địa chỉ: 15 đường 179, Phường Tăng Nhơn Phú,
TP. Hồ Chí Minh



ĐT: 0988 814 153



E-mail: songxanh468@gmail.com



Website: songxanhvietnam.com

100 (4")	FRHX-0100	229	220	180		8-Ø19		19	445	546	250
150 (6")	FRHX-0150	267	285	240		8-Ø23		19	608	759	300
200 (8")	FRHX-0200	292	340	295		8-Ø23	12-Ø23	20	745	946	360
250 (10")	FRHX-0250	330	405	350	355	12-Ø23	12-Ø28	22	902	1153	360
300 (12")	FRHX-0300	356	460	400	410	12-Ø23	12-Ø28	24.5	1034	1335	360

5.2. Kích thước UL/FM – ANSI 150LB (WP-232 PSI/WP-290 PSI)

Áp dụng WP-232 PSI/WP-290 PSI cho các kích thước 3", 4", 6", 8" theo tài liệu gốc.

DN	Model	L	D	K	n-Ød	C	Hc	Ho	R
50 (2")	FRHX-0050-A1	178	152	120.7	4-Ø19.1	15.7	309	376	150
80 (3")	FRHX-0080-A1 (A2)	203	191	152.4	4-Ø19.1	19	378	463	200
100 (4")	FRHX-0100-A1 (A2)	229	229	190.5	8-Ø19.1	23.9	445	548	250
150 (6")	FRHX-0150-A1 (A2)	267	279	241.3	8-Ø22.4	25.4	608	763	300
200 (8")	FRHX-0200-A1 (A2)	292	343	298.5	8-Ø22.4	28.5	759	964	360
250 (10")	FRHX-0250-A1	330	406	362	12-Ø25.4	30.2	898	1028	360
300 (12")	FRHX-0300-A1	356	483	431.8	12-Ø25.4	31.8	1025	1330	360



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SÔNG XANH



Địa chỉ: 15 đường 179, Phường Tăng Nhơn Phú,
TP. Hồ Chí Minh



ĐT: 0988 814 153



E-mail: songxanh468@gmail.com



Website: songxanhvietnam.com

5.3. Kích thước UL/FM – PN20

DN	Model	L	D	K	n-Ød	C	Hc	Ho	R
80 (3")	FRHX-0080-20	203	191	152.4	4-Ø19.1	19	378	463	200
100 (4")	FRHX-0100-20	229	229	190.5	8-Ø19.1	23.9	445	548	250
150 (6")	FRHX-0150-20	267	279	241.3	8-Ø22.4	25.4	608	763	300
200 (8")	FRHX-0200-20	292	343	298.5	8-Ø22.4	28.5	759	964	360

6. FNCX – BẢNG KÍCH THƯỚC (ĐƠN VỊ: mm)

6.1. Kích thước UL/FM – PN10/PN16

DN	Model	L	H	D	K PN10	K PN16	n-Ød PN10	n-Ød PN16	C	A	B	d1
80 (3")	FNCX-0080-10(16)	203	316	200	160		8-Ø19		19	267	49	19
100 (4")	FNCX-0100-10(16)	229	359	220	180		8-Ø19		19	267	49	19
150 (6")	FNCX-0150-10(16)	267	462	285	240		8-Ø23		19	267	49	19
200 (8")	FNCX-0200-10(16)	292	548	340	295		8-Ø23	12-Ø23	20	267	49	19
250 (10")	FNCX-0250-10(16)	330	652	405	350	355	12-Ø23	12-Ø28	22	267	49	19
300 (12")	FNCX-0300-10(16)	356	728	460	400	410	12-Ø23	12-Ø28	24.5	267	49	19



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SÔNG XANH



Địa chỉ: 15 đường 179, Phường Tăng Nhơn Phú,
TP. Hồ Chí Minh



ĐT: 0988 814 153



E-mail: songxanh468@gmail.com



Website: songxanhvietnam.com

6.2. Kích thước UL/FM – ANSI 150LB WB-232 PSI

DN	Model	L	H	D	K	n-Ød	C	A	B	d1
80 (3")	FNCX-0080-A1	203	316	191	152.4	4-Ø19	19	267	49	19
100 (4")	FNCX-0100-A1	229	359	229	190.5	8-Ø19	23.9	267	49	19
150 (6")	FNCX-0150-A1	267	462	279	241.3	8-Ø22.4	25.4	267	49	19
200 (8")	FNCX-0200-A1	292	548	343	298.5	8-Ø22.4	28.5	267	49	19
250 (10")	FNCX-0250-A1	330	652	406	362	12-Ø25.4	30.2	267	49	19
300 (12")	FNCX-0300-A1	356	728	483	431.8	12-Ø25.4	31.8	267	49	19